

Bản án số: 442/2024/DS – ST
Ngày: 12-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Bà Võ Kim Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 541/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 596/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20 chỉ: A, phường L, quận H, T đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phong V chỉ: A, phường T, quận T, TP .(Giấy ủy quyền số 086/UQ –TBN-HCNS ngày 27/11/2023).

- Bị đơn: Ông Phan Thế N năm 1980; Địa chỉ: E Đường E, Khu phố E, Phường B, Quận G, TP .

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Nguyễn Hữu B năm 1975;

2/Bà Nguyễn Thị N1sinh năm 1982.

3/Trẻ Nguyễn Hữu Đ năm 2009;

4/Trẻ Nguyễn Thị Phương T năm 2008.

5/Trẻ Nguyễn P N2sinh năm 2021.

Do ông Nguyễn Hữu B1 bà Nguyễn Thị N1 cha mẹ - đại diện theo pháp luật của

trẻ Đtrẻ Tvà trẻ Nghi;

6/Ông Nguyễn Hữu Đ1sinh năm 2004

7/Bà Nguyễn Thị T1 T1sinh năm 2003.

8/Bà Bùi Thị Kim Y năm 2005.

9/ Ông Lưu Văn H năm 1999.

10/Bà Lâm Nguyễn H1 V1sinh năm 1999.

11/Bà Đoàn Lan A năm 1998.

12/Bà Đoàn Thị P1 T2sinh năm 1999.

13/ Ông Lữ Minh K năm 2003.

14/ Bà Mai T2 T3sinh năm 2003.

15/Ông Nguyễn N2 T4sinh năm 2002.

16/Bà Hoàng Thị Ngọc L năm 2002.

Cùng ngụ: 9 N, phường T, quận T, Tp .

(Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần N20 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Phong V1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ phương án sử dụng vốn của Ông Phan Thế N3 hàng TMCP N3(sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã tiến hành cho vay theo (các) Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay số 161/TBN-KTN/22DH ngày 31/05/2022 với số tiền cho vay như sau: 17.500.000.000 đồng (Mười bảy tỷ năm trăm triệu đồng) kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 01/6/2022.

Mục đích cho vay: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1080, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: Phường T, Quận A, TP .

Thời hạn cho vay: 240 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số VS04409527479, ngày 12/02/2022 nên Ngân hàng đã phát hành cho ông Phan Thế N3 thẻ tín dụng số VS04409527479, Hạn mức thẻ tín dụng: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay thuộc các Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Phan Thế N4 thế chấp cho Ngân hàng TMCN20 N3 tài sản đảm bảo sau:

Quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại địa chỉ số I N, Phường T, Quận T, TP .– Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 003928, số vào sổ cấp GCN CS03481 do Sở T5 cấp ngày 28/07/2016, được cập nhật thay đổi chủ sở hữu là ông Phan Thế N5 ngày 26/10/2019.

Giá trị nhận thế chấp: 22.138.000.000 đồng.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 111/TBN-KTN/22TC ngày 31/05/2022 có xác nhận của Phòng CTP .số công chứng 012590, quyền số 05/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/06/2023 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận T .

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N4 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. VCB Chi nhánh T6 đã yêu cầu làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông N6 hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi, quá hạn cho VCB, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với VCB, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của VCB gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của VCB.

Tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 11/7/2024, ông N7 nợ Ngân hàng tại VCB Chi nhánh T6 là: 19.293.729.180 đồng; trong đó: Nợ gốc: 17.068.422.421 đồng, trong đó bao gồm: Nợ vay: 16.770.881.234 đồng và nợ thẻ tín dụng: 297.541.187 đồng; Nợ lãi và phí: 2.225.306.759 đồng; trong đó gồm: Nợ lãi vay trong hạn chưa trả: 2.106.394.426 đồng; Nợ lãi vay quá hạn: 30.651.356 đồng và L1 phí thẻ tín dụng: 88.260.977 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu:

1/ Buộc ông Phan Thế N8 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi, phí vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 11/7/2024 là 19.293.729.180 đồng; trong đó: Nợ gốc: 17.068.422.421 đồng; trong đó bao gồm: Nợ vay: 16.770.881.234 đồng và nợ thẻ tín dụng: 297.541.187 đồng; Nợ lãi và phí: 2.225.306.759 đồng; trong đó gồm: Nợ lãi vay trong hạn chưa trả: 2.106.394.426 đồng; Nợ lãi vay quá hạn: 30.651.356 đồng và L1 phí thẻ tín dụng: 88.260.977 đồng.

2/ Kể từ ngày 12/7/2024, ông Phan Thế N8 tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 161/TBN-KTN/22DH ngày 31/05/2022, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số VS04409527479, ngày 12/02/2022 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo cho đến ngày thực tế ông Phan Thế N9 hết nợ gốc cho Ngân hàng.

3/ Nếu ông Phan Thế N10 thực hiện hoặc thực hiện không đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Phan Thế N11 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 111/TBN-KTN/22TC ngày 31/05/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4/ Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân

hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông **Phan Thế N12** thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này.

- Bị đơn – ông **Phan Thế N13** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật: Dương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 248, Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhưng vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên kiến nghị khắc phục.

+ Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 161/TBN-KTN/22DH ngày 31/05/2022; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số VS04409527479, ngày 12/02/2022 được ký kết giữa Ngân hàng và ông N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó yêu cầu của ngân hàng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, và được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần N20**, yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ còn thiếu của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Hội đồng xét xử nhận định vụ án trên là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận Tòa án nơi **Ngân hàng N20 – Chi nhánh T3** trụ giải quyết khi có tranh chấp. Hội xét xử nhận định hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết có hoạt động giải ngân tiền

vay tại Chi nhánh T4; địa chỉ: A, phường T, quận T, TP. nên nơi có chi nhánh của Ngân hàng được xác định là nơi thực hiện hợp đồng. Do đó Tòa án nhân dân quận Tân Phú Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về thủ tục ủy quyền: Xét, Giấy ủy quyền số 086/UQ –TBN-HCNS ngày 27/11/2023 của Ngân hàng TMCP N20 ủy quyền cho ông Trần Phong V2 gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

+ Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định được các ông bà 1/Ông Nguyễn Hữu Bsinh năm 1975; 2/Bà Nguyễn Thị N1sinh năm 1982; 3/Trẻ Nguyễn Hữu Đsinh năm 2009; 4/Trẻ Nguyễn Thị Phương Tsinh năm 2008; 5/Trẻ Nguyễn Phương N2sinh năm 2021 - Do ông Nguyễn Hữu B1 bà Nguyễn Thị N1 cha mẹ - đại diện theo pháp luật của trẻ Đtrẻ Tvà trẻ Nghi; 6/Ông Nguyễn Hữu Đ1sinh năm 2004; 7/Bà Nguyễn Thị T1 T1sinh năm 2003; 8/Bà Bùi Thị Kim Ysinh năm 2005; 9/ Ông Lưu Văn H năm 1999; 10/Bà Lâm Nguyễn H1 V1sinh năm 1999; 11/Bà Đoàn Lan Asinh năm 1998; 12/Bà Đoàn Thị P1 T2sinh năm 1999; 13/ Ông Lữ Minh K năm 2003; 14/ Bà Mai T2 T3sinh năm 2003; 15/Ông Nguyễn Nhựt T4sinh năm 2002; 16/Bà Hoàng Thị Ngọc Lsinh năm 2002 có đăng ký tạm trú tại nhà đất là tài sản đảm bảo số I N, phường T, quận T, Tp. Do đó Tòa án đưa các ông bà trên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Phan Thế N14 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông N14 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N14 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét, Ngân hàng yêu cầu ông N thanh toán số tiền còn nợ tính tạm tính đến ngày 11/7/2024 là 19.293.729.180 đồng; trong đó:Nợ gốc: 17.068.422.421 đồng; trong đó bao gồm: Nợ vay: 16.770.881.234 đồng và nợ thẻ tín dụng: 297.541.187 đồng; Nợ lãi và phí: 2.225.306.759 đồng; trong đó gồm: Nợ lãi vay trong hạn chưa trả: 2.106.394.426 đồng; Nợ lãi vay quá hạn: 30.651.356 đồng và L1phí thẻ tín dụng: 88.260.977 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/7/2024 cho đến khi ông N9 hết nợ theo mức

lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét, hợp đồng cho vay số 161/TBN-KTN/22DH ngày 31/05/2022 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 01/6/2022 và đề nghị phát hành thẻ tín dụng V2 kèm hợp đồng số VS04409527479, ngày 12/02/2022 giữa Ngân hàng và ông **Phan Thế N15** hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 385, Điều 388 và Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông **N4** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính từ thời gian thực hiện hợp đồng đến nay ông **N16** thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền là 2.259.574.961 đồng; trong đó nợ gốc là 729.118.766 đồng, nợ lãi là 1.530.302.201 đồng, lãi phạt là 153.994 đồng. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn thiếu là 19.293.729.180 đồng; trong đó: Nợ gốc: 17.068.422.421 đồng; trong đó bao gồm: Nợ vay: 16.770.881.234 đồng và nợ thẻ tín dụng: 297.541.187 đồng; Nợ lãi và phí: 2.225.306.759 đồng; trong đó gồm: Nợ lãi vay trong hạn chưa trả: 2.106.394.426 đồng; Nợ lãi vay quá hạn: 30.651.356 đồng và L1phí thẻ tín dụng: 88.260.977 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Về nợ lãi và phạt chậm thanh toán: Ngân hàng đã xuất trình đầy đủ các căn cứ về việc điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định pháp luật. Sau khi nhận số tiền vay, ông **N16** trả được số tiền lãi là 1.530.302.201 đồng, lãi phạt là 153.994 đồng và vi phạm việc thanh toán cho đến nay. Do đó bị đơn đã vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi còn thiếu là phù hợp với quy định. Theo đó ngoài tiền lãi suất trong hạn, quá hạn thì bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 12/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N21** việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét, yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của hợp đồng cho vay số 161/TBN-KTN/22DH ngày 31/05/2022 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 01/6/2022; đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng số VS04409527479, ngày 12/02/2022 và hợp đồng thế chấp tài sản số: 111/TBN-KTN/22TC ngày 31/05/2022. Hội đồng xét xử nhận định:

Để bảo đảm toàn bộ khoản vay của mình, ông **Phan Thế N13** - là chủ sở hữu tài sản cùng với ngân hàng ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số:

111/TBN-KTN/22TC ngày 31/05/2022 có xác nhận của Phòng CTP .số công chứng 012590, quyền số 05/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/06/2023 tại Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai Quận T** .Tại Điều 1 của hợp đồng thế chấp thỏa thuận về nghĩa vụ được đảm bảo như sau: “...*Nghĩa vụ đảm bảo khoản vay bao gồm tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà ông **Phan Thế N8** trả cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa khách hàng và Ngân hàng, kể cả nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt và bồi thường thiệt hại, các loại phí, lệ phí và các khoản bồi hoàn phát sinh theo các Hợp đồng cấp tín dụng...*”

Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông **Phan Thế N13**. Việc ký kết hợp đồng thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự với Ngân hàng do các bên hoàn toàn tự nguyện. Về nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định về tài sản thế chấp và hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng, đăng ký thế chấp và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, nên hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực đối với các bên theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm.

Trường hợp ông **Phan Thế N13** không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại địa chỉ số I N, Phường T, Quận T, TP. – Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 003928, số vào sổ cấp GCN CS03481 do Sở T5cấp ngày 28/07/2016, được cập nhật thay đổi chủ sở hữu là ông **Phan Thế N5** ngày 26/10/2019 - Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 111/TBN-KTN/22TC ngày 31/05/2022 có xác nhận của Phòng CTP .số công chứng 012590, quyền số 05/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/06/2023 tại Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai Quận T** .để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20** quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông **Phan Thế N12** thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Xét, quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các ông bà: 1/Ông Nguyễn Hữu Bsinh năm 1975; 2/Bà Nguyễn Thị N1sinh năm 1982; 3/Trẻ Nguyễn Hữu Đsinh năm 2009; 4/Trẻ Nguyễn Thị Phương Tsinh năm 2008; 5/Trẻ Nguyễn Phương N2sinh năm 2021 - Do ông **Nguyễn Hữu B1** bà **Nguyễn Thị N1** cha mẹ - đại diện theo pháp luật của trẻ Đtrẻ Tvà trẻ Nghi; 6/Ông Nguyễn Hữu Đ1sinh năm 2004; 7/Bà **Nguyễn Thị T1** T1sinh năm 2003; 8/Bà Bùi Thị Kim Ysinh năm 2005; 9/ Ông **Lưu Văn H** năm 1999; 10/Bà **Lâm Nguyễn H1** V1sinh năm 1999; 11/Bà Đoàn Lan Asinh năm 1998; 12/Bà **Đoàn Thị P1** T2sinh năm 1999; 13/ Ông **Lữ Minh K** năm

2003; 14/ Bà **Mai T2** T3sinh năm 2003; 15/Ông Nguyễn Nhật T4sinh năm 2002; 16/Bà Hoàng Thị Ngọc Lsinh năm 2002 không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết. Nếu sau này các ông bà trên có tranh chấp thì sẽ được khởi kiện trong vụ kiện khác.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Xét, Ngân hàng yêu cầu ông **Phan Thế N17** toán một lần số tiền nợ còn thiếu ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông **N18** phạm thời hạn thanh toán đã lâu là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng nên có cơ sở để chấp nhận.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (năm triệu) đồng do Ngân hàng tự nguyện chịu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 19.293.729.180 đồng = 127.293.729 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 62.775.638 đồng cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 385; Điều 388 và Điều 405 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20.**

- Buộc ông **Phan Thế N13** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20** số tiền còn nợ của hợp đồng cho vay số 161/TBN-KTN/22DH ngày 31/05/2022 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 01/6/2022 và đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V2kiêm hợp đồng số VS04409527479, ngày 12/02/2022, tạm tính đến

ngày 11/7/2024 là: 19.293.729.180(mười chín tỷ hai trăm chín mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn một trăm tám mươi) đồng; trong đó nợ gốc là 17.068.422.421 (mười bảy tỷ không trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi một) đồng; trong đó nợ vay là: 16.770.881.234 (mười sáu tỷ bảy trăm bảy mươi triệu tám trăm tám mươi một ngàn hai trăm ba mươi bốn) đồng; nợ gốc thẻ tín dụng là: 297.541.187 (hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một ngàn một trăm tám mươi bảy) đồng; nợ lãi và phí là 2.225.306.759 (hai tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi chín) đồng; trong đó nợ lãi vay trong hạn là 2.101.394.426 (hai tỷ một trăm lẻ một triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn bốn trăm hai mươi sáu) đồng; nợ lãi vay quá hạn là 30.651.356(ba mươi triệu sáu trăm năm mươi một ngàn ba trăm năm mươi sáu)đồng; nợ lãi và phí thẻ tín dụng là: 88.260.997 (tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi ngàn chín trăm chín mươi bảy) đồng.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 12/7/2024 ông **Phan Thế N13** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 161/TBN-KTN/22DH ngày 31/05/2022 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 01/6/2022; đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V2 kèm hợp đồng số VS04409527479, ngày 12/02/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Nếu ông **Phan Thế N10** thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20** quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại địa chỉ số I N, Phường T, Quận T, TP. – Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 003928, số vào sổ cấp GCN: CS03481 do **Sở T5** cấp ngày 28/07/2016, được cập nhật thay đổi chủ sở hữu là ông **Phan Thế N5** ngày 26/10/2019 - Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 111/TBN-KTN/22TC ngày 31/05/2022 có xác nhận của Phòng CTP .số công chứng 012590, quyền số 05/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/06/2023 tại Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai Quận T** .để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20** quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông **Phan Thế N12** thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông **Phan Thế N19** hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc tất toán toàn bộ khoản vay thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20** có trách nhiệm giải chấp và trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho chủ tài sản.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (năm triệu) đồng do Ngân hàng tự nguyện chịu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Phan Thế N8** chịu án phí là 127.293.729 (một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi chín) đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 62.775.638 (sáu mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi tám) đồng cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20** thu tiền tạm ứng án phí số 0007000 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N20 quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **Phan Thế N14** những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ ./ (Vinh).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hương

